



**QUY CHẾ TỔ CHỨC VÀ HOẠT ĐỘNG
CỦA BAN KIỂM SOÁT**

Mã số: QC.BM.025

Hà Nội, tháng 4/2023

MỤC LỤC

Chương I NHỮNG QUY ĐỊNH CHUNG	2
Điều 1. Phạm vi, đối tượng điều chỉnh.....	2
Điều 2. Nguyên tắc hoạt động của Ban Kiểm soát.....	2
Điều 3. Địa vị pháp lý của Ban Kiểm soát	2
Điều 4. Giải thích từ ngữ.....	3
Chương II QUY ĐỊNH CỤ THỂ	3
Điều 5. Thành phần, nhiệm kỳ và cơ cấu Ban Kiểm soát	3
Điều 6. Nhiệm vụ và quyền hạn của Ban Kiểm soát.....	4
Điều 7. Nhiệm vụ và quyền hạn của Trưởng Ban Kiểm soát.....	6
Điều 8. Nhiệm vụ và quyền hạn của thành viên Ban Kiểm soát	8
Điều 9. Bầu thành viên Ban Kiểm soát	9
Điều 10. Tiêu chuẩn và điều kiện đối với Thành viên Ban Kiểm soát.....	9
Điều 11. Những trường hợp không được đảm nhiệm chức vụ.....	9
Điều 12. Những trường hợp không được đảm nhiệm cùng chức vụ	10
Điều 13. Đương nhiên mất tư cách.....	11
Điều 14. Miễn nhiệm, bãi nhiệm	11
Điều 15. Thay thế thành viên Ban Kiểm soát.....	12
Điều 16. Đình chỉ, tạm đình chỉ Thành viên Ban Kiểm soát.....	12
Điều 17. Nhiệm vụ của Bộ phận giúp việc.....	12
Điều 18. Công khai các lợi ích liên quan	13
Điều 19. Thủ lao và chi phí hoạt động của Ban Kiểm soát.....	13
Điều 20. Phân công trách nhiệm của Ban Kiểm soát	13
Điều 21. Chế độ làm việc của Ban Kiểm soát.....	13
Điều 22. Chế độ báo cáo của Ban Kiểm soát	14
Điều 23. Cuộc họp của Ban Kiểm soát.....	14
Điều 24. Trình tự tổ chức và tiến hành họp Ban Kiểm soát	16
Điều 25. Thông qua quyết định của Ban Kiểm soát.....	16
Điều 26. Biên bản họp của Ban Kiểm soát.....	17
Điều 27. Quyền được cung cấp thông tin.....	18
Điều 28. Bảo mật thông tin.....	18
Điều 29. Các mối quan hệ của Ban Kiểm soát.....	19
Điều 30. Khen thưởng và kỷ luật	21
CHƯƠNG III ĐIỀU KHOẢN THI HÀNH	21
Điều 31. Trách nhiệm thực hiện	21
Điều 32. Điều khoản thi hành.....	21

QUY CHẾ
TỔ CHỨC VÀ HOẠT ĐỘNG CỦA BAN KIỂM SOÁT

BAN KIỂM SOÁT

- Luật các tổ chức tín dụng số 47/2010/QH12 ngày 16/6/2010 và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật các tổ chức tín dụng sửa đổi số 17/2017/QH14 ngày 20/11/2017
- Căn cứ Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14 ngày 17 tháng 06 năm 2020;
- Căn cứ Luật Chứng khoán ngày 26 tháng 11 năm 2019;
- Căn cứ Nghị định số 155/2020/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2020 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Chứng khoán;
- Căn cứ Thông tư số 116/2020/TT-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2020 của Bộ trưởng Bộ Tài chính hướng dẫn một số điều về quản trị công ty áp dụng đối với công ty đại chúng tại Nghị định số 155/2020/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2020 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Chứng khoán;
- Căn cứ Điều lệ Ngân hàng TMCP Quốc Dân (NCB);
- Căn cứ Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 1700169765, thay đổi lần thứ 20, ngày 29 tháng 09 năm 2022 của NCB;
- Căn cứ Quyết nghị số 1.10 tại Nghị Quyết ĐHĐCĐ thường niên NCB số 199/2023/NQ.ĐHĐCĐ ngày 08/04/2023.

QUY ĐỊNH

Chương I

NHỮNG QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Phạm vi, đối tượng điều chỉnh

- 1.1. Phạm vi điều chỉnh: Quy chế tổ chức và hoạt động của Ban Kiểm soát Ngân hàng TMCP Quốc Dân (sau đây gọi là *Quy chế*) quy định về tổ chức, chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ chế hoạt động của Ban Kiểm soát Ngân hàng TMCP Quốc Dân.
- 1.2. Đối tượng áp dụng: Quy định này được áp dụng thống nhất trong toàn hệ thống NCB, bao gồm thành viên Ban Kiểm soát, toàn bộ các cá nhân, đơn vị trực thuộc NCB có liên quan, tương tác trong hoạt động của Ban Kiểm soát.

Điều 2. Nguyên tắc hoạt động của Ban Kiểm soát

Ban kiểm soát làm việc theo nguyên tắc tập thể. Các thành viên của Ban kiểm soát chịu trách nhiệm cá nhân về phần việc của mình và cùng chịu trách nhiệm trước Đại hội đồng cổ đông, trước pháp luật về các công việc, quyết định của Ban Kiểm soát.

Điều 3. Địa vị pháp lý của Ban Kiểm soát

Ban Kiểm soát do Đại hội đồng Cổ đông bầu, thực hiện nhiệm vụ quyền hạn được giao căn cứ theo quy định tại Điều 6 Quy chế này.

Điều 4. Giải thích từ ngữ

4.1. Trong Quy chế này, các từ ngữ dưới đây có nghĩa như sau:

- a) **NCB**: là Ngân hàng Thương mại cổ phần Quốc Dân.
- b) **Ban Kiểm soát**: là Ban Kiểm soát của NCB;
- c) **Hội đồng Quản trị (HDQT)**: là Hội đồng Quản trị của NCB;
- d) **Ban Điều hành**: có nghĩa là Tổng Giám đốc, các Phó Tổng Giám đốc, Giám đốc các Khối/Trung tâm độc lập và/hoặc các chức danh khác tương đương thuộc trụ sở chính báo cáo trực tiếp Tổng Giám đốc;
- e) **Người quản lý**: là Người quản lý Ngân hàng, bao gồm Chủ tịch HDQT, thành viên HDQT, Tổng giám đốc và các chức danh quản lý khác do Điều lệ Ngân hàng quy định;
- f) **Luật các Tổ chức Tín dụng**: là Luật các Tổ chức Tín dụng số 47/2010/QH12 được Quốc hội nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam thông qua ngày 16 tháng 6 năm 2010 và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật các tổ chức tín dụng số 17/2017/QH14 ngày 20/11/2017;
- g) **Điều lệ NCB**: là Điều lệ của Ngân hàng Thương mại cổ phần Quốc Dân;
- h) **NHNN**: là Ngân hàng Nhà nước.

4.2. Các thuật ngữ khác được sử dụng trong Quy chế này có nghĩa như trong Điều lệ NCB.

CHƯƠNG II

QUY ĐỊNH CỤ THỂ

Mục 1

CƠ CẤU, TỔ CHỨC, NHIỆM VỤ VÀ QUYỀN HẠN CỦA BAN KIỂM SOÁT

Điều 5. Thành phần, nhiệm kỳ và cơ cấu Ban Kiểm soát

- 5.1. Ban kiểm soát của Ngân hàng có từ 03 (ba) thành viên trở lên do Đại hội đồng cổ đông bầu, trong đó phải có hơn 1/2 (một phần hai) tổng số thành viên thường trú tại Việt Nam và là thành viên chuyên trách, không đồng thời đảm nhiệm chức vụ, công việc khác tại tổ chức tín dụng hoặc doanh nghiệp khác. Ban kiểm soát bầu một thành viên làm Trưởng Ban Kiểm soát.
- 5.2. Ban Kiểm soát có bộ phận giúp việc, bộ phận kiểm toán nội bộ, được sử dụng các nguồn lực của NCB, được thuê chuyên gia và tổ chức bên ngoài để thực hiện nhiệm vụ của mình.
- 5.3. Nhiệm kỳ của Ban Kiểm soát không quá 05 (năm) năm; Nhiệm kỳ của thành viên Ban Kiểm soát theo nhiệm kỳ của Ban Kiểm soát và có thể được bầu lại với số nhiệm kỳ không hạn chế. Nhiệm kỳ của thành viên Ban Kiểm soát được bổ sung hoặc thay thế là

thời hạn còn lại của nhiệm kỳ. Ban Kiểm soát của nhiệm kỳ vừa kết thúc tiếp tục hoạt động cho đến khi Ban Kiểm soát của nhiệm kỳ mới tiếp quản công việc.

- 5.4. Thành viên Ban Kiểm soát chuyên trách là thành viên Ban Kiểm soát làm việc thường trực giữa các kỳ họp của Ban Kiểm soát và chịu trách nhiệm về một hoặc một số nhiệm vụ do Ban Kiểm soát phân công. Thành viên Ban Kiểm soát chuyên trách không được đồng thời đảm nhận chức vụ, làm việc tại tổ chức tín dụng hoặc doanh nghiệp khác. Ban Kiểm soát quy định cụ thể cơ chế làm việc và nhiệm vụ, trách nhiệm của từng thành viên Ban Kiểm soát chuyên trách.
- 5.5. Trường hợp số thành viên Ban Kiểm soát không đủ 2/3 (hai phần ba) tổng số thành viên của nhiệm kỳ hoặc không đủ số thành viên tối thiểu theo quy định tại Điều lệ NCB thì trong thời hạn 60 (sáu mươi) ngày kể từ ngày không đủ số lượng thành viên, NCB phải bầu bổ sung đủ số lượng thành viên Ban kiểm soát.

Điều 6. Nhiệm vụ và quyền hạn của Ban Kiểm soát

- 6.1. Giám sát việc tuân thủ các quy định của pháp luật và Điều lệ của Ngân hàng trong việc quản trị, điều hành Ngân hàng; chịu trách nhiệm trước Đại hội đồng cổ đông trong việc thực hiện nhiệm vụ, quyền hạn được giao.
- 6.2. Xây dựng Quy chế hoạt động của Ban kiểm soát và trình Đại hội đồng cổ đông thông qua
- 6.3. Ban hành quy định nội bộ của Ban kiểm soát; định kỳ hằng năm xem xét lại quy định nội bộ của Ban kiểm soát, các chính sách quan trọng về kế toán và báo cáo.
- 6.4. Thực hiện chức năng kiểm toán nội bộ; có quyền sử dụng tư vấn độc lập và quyền được tiếp cận, cung cấp đủ, chính xác, kịp thời các thông tin, tài liệu liên quan đến hoạt động quản lý, điều hành Ngân hàng để thực hiện nhiệm vụ, quyền hạn được giao.
- 6.5. Kiểm tra tính hợp lý, hợp pháp, tính trung thực và mức độ cần trọng trong quản lý, điều hành hoạt động kinh doanh; tính hệ thống, nhất quán và phù hợp của công tác kế toán, thống kê và lập báo cáo tài chính.
- 6.6. Thẩm định báo cáo tài chính 06 tháng đầu năm và hằng năm của Ngân hàng; báo cáo Đại hội đồng cổ đông về kết quả thẩm định báo cáo tài chính, đánh giá tính hợp lý, hợp pháp, trung thực và mức độ cần trọng trong công tác kế toán, thống kê và lập báo cáo tài chính. Ban kiểm soát có thể tham khảo ý kiến của Hội đồng quản trị trước khi trình báo cáo và kiến nghị lên Đại hội đồng cổ đông.
- 6.7. Đề xuất, kiến nghị Đại hội đồng cổ đông phê duyệt danh sách tổ chức kiểm toán được chấp thuận thực hiện kiểm toán Báo cáo tài chính của Ngân hàng; quyết định tổ chức kiểm toán được chấp thuận thực hiện kiểm tra hoạt động của Ngân hàng, bãi miễn kiểm toán viên được chấp thuận khi xét thấy cần thiết.
- 6.8. Kiểm tra sổ kế toán, các tài liệu khác và công việc quản lý, điều hành hoạt động của Ngân hàng khi xét thấy cần thiết hoặc theo nghị quyết, quyết định của Đại hội đồng cổ

- đồng hoặc theo yêu cầu của cổ đông lớn hoặc nhóm cổ đông lớn phù hợp với quy định của pháp luật. Nội dung, hình thức, thời hạn kiểm tra thực hiện theo quy định của pháp luật và quy định nội bộ trong từng thời kỳ.
- 6.9. Rà soát, kiểm tra và đánh giá hiệu lực và hiệu quả của hệ thống kiểm soát nội bộ, kiểm toán nội bộ, quản lý rủi ro và cảnh báo sớm của ngân hàng.
 - 6.10. Rà soát hợp đồng, giao dịch với người có liên quan thuộc thẩm quyền phê duyệt của Hội đồng quản trị hoặc Đại hội đồng cổ đông và đưa ra khuyến nghị về hợp đồng, giao dịch cần có phê duyệt của Hội đồng quản trị hoặc Đại hội đồng cổ đông.
 - 6.11. Các hợp đồng, giao dịch (không thuộc phạm vi đối tượng điều chỉnh cấm hoặc hạn chế tại Điều 126, 127, 128, 129 Luật các TCTD và văn bản dưới luật) giữa Ngân hàng với thành viên Ban Kiểm soát và người có liên quan của họ phải được Đại hội đồng cổ đông hoặc Hội đồng quản trị thông qua.
 - 6.12. Kịp thời thông báo cho Hội đồng quản trị khi phát hiện người quản lý Ngân hàng có hành vi vi phạm; yêu cầu người vi phạm chấm dứt ngay hành vi vi phạm và có giải pháp khắc phục hậu quả, nếu có. Nội dung, hình thức, thời hạn thực hiện theo quy định của pháp luật và quy định nội bộ trong từng thời kỳ.
 - 6.13. Lập danh sách cổ đông sáng lập, cổ đông lớn và người có liên quan của thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát, Tổng giám đốc (Giám đốc) của Ngân hàng; lưu giữ và cập nhật thay đổi của danh sách này.
 - 6.14. Đề nghị Hội đồng quản trị họp bất thường hoặc đề nghị Hội đồng quản trị triệu tập Đại hội đồng cổ đông bất thường theo quy định của Luật các tổ chức tín dụng và Điều lệ của Ngân hàng.
 - 6.15. Triệu tập Đại hội đồng cổ đông bất thường trong trường hợp Hội đồng quản trị có quyết định vi phạm nghiêm trọng quy định của Luật các tổ chức tín dụng hoặc vượt quá thẩm quyền được giao và trường hợp khác theo quy định tại Điều lệ của Ngân hàng.
 - 6.16. Quyết định cơ cấu tổ chức, nhiệm vụ, quyền hạn của Bộ phận kiểm toán nội bộ theo quy định của Luật các tổ chức tín dụng và các quy định khác của pháp luật; Bổ nhiệm, miễn nhiệm, kỷ luật, đình chỉ và quyết định mức lương, lợi ích khác đối với các chức danh thuộc Phòng kiểm toán nội bộ.
 - 6.17. Ban kiểm soát của NCB thực hiện giám sát đối với kiểm toán nội bộ bao gồm:
 - a) Giám sát, đánh giá việc thực hiện chuẩn mực đạo đức nghề nghiệp của thành viên Ban Kiểm soát, kiểm toán viên nội bộ;
 - b) Giám sát phòng Kiểm toán nội bộ trong việc:
 - i) Thực hiện kiểm toán nội bộ;
 - ii) Rà soát, đánh giá tính hiệu quả của kiểm toán nội bộ và kết quả thực hiện nhiệm vụ của Trưởng Kiểm toán nội bộ;

- iii) Xử lý, khắc phục các tồn tại, hạn chế của kiểm toán nội bộ theo yêu cầu, kiến nghị của Ngân hàng Nhà nước, tổ chức kiểm toán độc lập và các cơ quan chức năng khác;
 - iv) Các nội dung khác do Ban kiểm soát quy định.
- 6.18. Kiến nghị Hội đồng quản trị hoặc Đại hội đồng cổ đông biện pháp sửa đổi, bổ sung, cải tiến cơ cấu tổ chức quản lý, giám sát và điều hành hoạt động kinh doanh;
- 6.19. Kiểm tra từng vấn đề cụ thể liên quan đến quản lý, điều hành hoạt động của Ngân hàng theo đề nghị của cổ đông
- 6.20. Quyền được cung cấp thông tin của Ban Kiểm soát:
- a) Tài liệu và thông tin phải được gửi đến Ban kiểm soát cùng thời điểm và theo phương thức như đối với thành viên Hội đồng quản trị, bao gồm:
 - i) Thông báo mời họp, phiếu lấy ý kiến thành viên Hội đồng quản trị và tài liệu kèm theo;
 - ii) Nghị quyết, quyết định và biên bản họp của Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị;
 - iii) Báo cáo của Tổng giám đốc trình Hội đồng quản trị hoặc tài liệu khác do ngân hàng phát hành.
 - b) Thành viên Ban Kiểm soát có quyền tiếp cận hồ sơ, tài liệu của Ngân hàng lưu giữ tại trụ sở chính, chi nhánh và địa điểm khác; có quyền đến địa điểm làm việc của người quản lý và nhân viên của ngân hàng trong giờ làm việc.
 - c) Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc, người quản lý khác phải cung cấp đầy đủ, chính xác, kịp thời thông tin, tài liệu về công tác quản lý, điều hành và hoạt động kinh doanh của Ngân hàng theo yêu cầu của thành viên Ban Kiểm soát hoặc Ban kiểm soát.
- 6.21. Các nhiệm vụ, quyền hạn khác theo quy định của pháp luật và Điều lệ của NCB.

Điều 7. Nhiệm vụ và quyền hạn của Trưởng Ban Kiểm soát

- 7.1. Tổ chức triển khai việc thực hiện nhiệm vụ, quyền hạn của Ban Kiểm soát theo quy định tại Điều 6 Quy chế này
- 7.2. Phê duyệt chương trình, kế hoạch và biện pháp thực hiện cụ thể nhiệm vụ của Ban Kiểm soát và thành viên Ban Kiểm soát, phù hợp với chương trình, kế hoạch đã được Đại hội đồng Cổ đông thông qua hoặc Hội đồng Quản trị chấp thuận.
- 7.3. Quyết định thành lập các đoàn kiểm tra, giám sát, kiểm toán nội bộ theo quy định và theo chương trình, kế hoạch đã được Đại hội đồng Cổ đông thông qua hoặc Hội đồng Quản trị chấp thuận.
- 7.4. Kiến nghị với Hội đồng Quản trị, Tổng Giám đốc và Giám đốc các đơn vị thành viên đình chỉ những việc làm trái pháp luật, Điều lệ, quy định của Ngân hàng TMCP Quốc

- Dân và các Nghị quyết, Quyết định của Hội đồng Quản trị gây thất thoát hoặc có nguy cơ gây thất thoát vốn, tài sản của NCB.
- 7.5. Chuẩn bị chương trình cho các cuộc họp của Ban Kiểm soát trên cơ sở ý kiến đề xuất của thành viên Ban Kiểm soát liên quan đến nhiệm vụ, quyền hạn của Ban Kiểm soát; triệu tập và chủ tọa cuộc họp Ban Kiểm soát.
 - 7.6. Thay mặt Ban Kiểm soát yêu cầu Hội đồng Quản trị họp bất thường khi cần thiết để thực hiện nhiệm vụ của Ban Kiểm soát; thay mặt Ban Kiểm soát triệu tập Đại hội đồng Cổ đông bất thường khi Hội đồng Quản trị, thành viên Hội đồng Quản trị, Tổng Giám đốc vi phạm nghiêm trọng nghĩa vụ của người quản lý quy định tại Luật doanh nghiệp hoặc vượt quá thẩm quyền được giao và các trường hợp khác theo quy định tại Điều lệ NCB và các quy định của pháp luật.
 - 7.7. Kiến nghị với các cấp có thẩm quyền của NCB xử lý kỷ luật, bãi nhiệm, miễn nhiệm, cách chức, chấm dứt hợp đồng lao động đối với các cá nhân vi phạm nghiêm trọng pháp luật và các quy định của NCB.
 - 7.8. Trưởng Ban Kiểm soát ký Biên bản họp Đại hội đồng cổ đông và Nghị quyết đã được Đại hội đồng cổ đông thông qua nếu tất cả các thành viên Hội đồng quản trị vắng mặt hoặc từ chối ký Biên bản họp.
 - 7.9. Thay mặt Ban Kiểm soát ký các văn bản thuộc thẩm quyền của Ban Kiểm soát;
 - 7.10. Tham dự cuộc họp Hội đồng Quản trị, Ban Điều hành, phát biểu ý kiến nhưng không được biểu quyết;
 - 7.11. Yêu cầu ghi lại ý kiến của mình trong biên bản cuộc họp Hội đồng Quản trị nếu ý kiến của mình khác với nghị quyết quyết định của Hội đồng Quản trị và báo cáo trước Đại hội đồng Cổ đông;
 - 7.12. Chuẩn bị kế hoạch làm việc và phân công nhiệm vụ cụ thể cho các thành viên của Ban Kiểm soát;
 - 7.13. Bảo đảm các thành viên Ban Kiểm soát nhận được thông tin đầy đủ, khách quan, chính xác và có đủ thời gian thảo luận các vấn đề mà Ban Kiểm soát phải xem xét;
 - 7.14. Giám sát, chỉ đạo việc thực hiện nhiệm vụ được phân công và quyền, nghĩa vụ của thành viên Ban Kiểm soát;
 - 7.15. Ủy quyền cho một thành viên khác của Ban Kiểm soát thực hiện nhiệm vụ của mình trong thời gian vắng mặt. Thành viên Ban Kiểm soát được ủy quyền không được ủy quyền lại cho thành viên khác;
 - 7.16. Thực hiện công tác quy hoạch nhân sự, đề xuất, giới thiệu nhân sự cho các chức danh thành viên Ban Kiểm soát. Đánh giá kết quả công tác chuyên môn, ý thức chấp hành kỷ luật, rèn luyện phẩm chất đạo đức của các thành viên của Ban Kiểm soát; có ý kiến đề xuất, kiến nghị các hình thức khen thưởng, kỷ luật đối với các thành viên Ban Kiểm soát và phải chịu trách nhiệm về những ý kiến, đánh giá đó.

- 7.17. Đề xuất sửa đổi, bổ sung mô hình, cơ cấu tổ chức hoạt động của Ban Kiểm soát, phù hợp với từng thời kỳ trình Đại hội đồng Cổ đông xem xét, quyết định.
- 7.18. Các nhiệm vụ, quyền hạn khác theo quy định của pháp luật, theo điều lệ của NCB và theo Quy chế hoạt động của Ban Kiểm soát NCB.

Điều 8. Nhiệm vụ và quyền hạn của thành viên Ban Kiểm soát

- 8.1. Tuân thủ quy định của pháp luật, Điều lệ của NCB, Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông, quy định nội bộ của Ban Kiểm soát một cách trung thực, cẩn trọng và vì lợi ích của NCB và của Cổ đông và đạo đức nghề nghiệp trong thực hiện quyền và nghĩa vụ được giao.
- 8.2. Thực hiện kiểm tra, kiểm soát theo chương trình, kế hoạch được Đại hội đồng Cổ đông thông qua.
- 8.3. Bầu một thành viên Ban Kiểm soát làm Trưởng Ban Kiểm soát;
- 8.4. Yêu cầu Trưởng Ban Kiểm soát triệu tập cuộc họp Ban Kiểm soát bất thường;
- 8.5. Kiểm soát các hoạt động kinh doanh, kiểm soát sổ sách kế toán, tài sản, các báo cáo, bản quyết toán năm tài chính và kiến nghị khắc phục các sai phạm (nếu có);
- 8.6. Được tham dự các cuộc họp chuyên đề, các lớp đào tạo nghiệp vụ và hội nghị sơ kết, tổng kết của NCB. Có quyền truy cập thông tin, kể cả thông tin điện tử về các hoạt động của NCB để thực hiện nhiệm vụ, chức trách được giao.
- 8.9. Báo cáo Trưởng Ban Kiểm soát về những hoạt động tài chính bất thường và chịu trách nhiệm cá nhân về những đánh giá và kết luận của mình;
- 8.10. Tham dự các cuộc họp Hội đồng Quản trị, Ban Điều hành khi được phân công, phát biểu ý kiến và có những kiến nghị, nhưng không tham gia biểu quyết. Nếu có ý kiến khác với những quyết nghị của Hội đồng Quản trị được quyền đề nghị ghi ý kiến của mình vào biên bản phiên họp và được trực tiếp báo cáo trước Đại hội đồng Cổ đông;
- 8.11. Tham dự các cuộc họp của Ban Kiểm soát, tham gia thảo luận và biểu quyết về những vấn đề thuộc nhiệm vụ, quyền hạn của Ban Kiểm soát trừ những vấn đề có xung đột lợi ích với thành viên đó;
- 8.12. Chịu trách nhiệm trước pháp luật, trước Cổ đông về việc xác định tính chính xác, trung thực của các số liệu, hồ sơ liên quan đến hoạt động của NCB. Trường hợp che dấu hoặc không kịp thời kiến nghị xử lý đối với những sai phạm sẽ phải chịu trách nhiệm liên đới khi thực hiện nhiệm vụ;
- 8.13. Thực hiện quyền và nghĩa vụ được giao một cách trung thực, cẩn trọng nhằm bảo đảm lợi ích hợp pháp tối đa của Ngân hàng.
- 8.14. Trung thành với lợi ích của Ngân hàng và cổ đông; không lạm dụng địa vị, chức vụ và sử dụng thông tin, bí quyết, cơ hội kinh doanh, tài sản khác của Ngân hàng để tư lợi hoặc phục vụ lợi ích của tổ chức, cá nhân khác.
- 8.15. Trường hợp phát hiện thành viên Ban Kiểm soát vi phạm trong thực hiện quyền và nghĩa vụ được giao thì phải thông báo bằng văn bản đến Ban Kiểm soát, yêu cầu người có hành vi vi phạm chấm dứt hành vi vi phạm và khắc phục hậu quả.

- 8.16. Thực hiện các nhiệm vụ và phân công khác do Trưởng Ban Kiểm soát yêu cầu.
- 8.17. Các nhiệm vụ và quyền hạn khác theo quy định của pháp luật, theo quy định của Điều lệ NCB và quy định nội bộ của Ban Kiểm soát.

Mục 2

TIÊU CHUẨN VÀ ĐIỀU KIỆN BẦU, BỔ NHIỆM, MIỄN NHIỆM, BÃI NHIỆM THÀNH VIÊN BAN KIỂM SOÁT

Điều 9. Bầu thành viên Ban Kiểm soát

- 9.1. Việc bầu thành viên Ban Kiểm soát thuộc thẩm quyền của Đại hội đồng Cổ đông. Trình tự, thủ tục bầu thành viên BKS thực hiện theo quy định tại Điều lệ NCB trong từng thời kỳ
- 9.2. Danh sách dự kiến những người được bầu làm thành viên Ban Kiểm soát phải được Ngân hàng Nhà nước chấp thuận bằng văn bản trước khi bầu, bổ nhiệm chức danh này. Những người được bầu làm thành viên Ban Kiểm soát phải thuộc danh sách đã được Ngân hàng Nhà nước chấp thuận.
- 9.3. Thủ tục, hồ sơ chấp thuận danh sách dự kiến việc bầu thành viên Ban Kiểm soát thực hiện theo quy định của Pháp luật và Ngân hàng Nhà nước.

Điều 10. Tiêu chuẩn và điều kiện đối với Thành viên Ban Kiểm soát

Thành viên Ban Kiểm soát phải có đủ các tiêu chuẩn và điều kiện sau đây:

- 10.1. Không thuộc đối tượng theo quy định tại Điều 11 Quy chế này;
- 10.2. Có đạo đức nghề nghiệp;
- 10.3. Có bằng tốt nghiệp Đại học trở lên về một trong các ngành kinh tế, quản trị kinh doanh, luật, kế toán, kiểm toán; có ít nhất 03 năm làm việc trực tiếp trong lĩnh vực ngân hàng, tài chính, kế toán hoặc kiểm toán;
- 10.4. Không phải là người có liên quan của người quản lý Ngân hàng;
- 10.5. Thành viên Ban Kiểm soát chuyên trách phải cư trú tại Việt Nam trong thời gian đương nhiệm;
- 10.6. Các điều kiện khác theo quy định của Điều lệ Ngân hàng.

Điều 11. Những trường hợp không được đảm nhiệm chức vụ

Những người sau đây không được là Thành viên Ban Kiểm soát:

- 11.1. Người chưa thành niên, người bị hạn chế hoặc bị mất năng lực hành vi dân sự; người có khó khăn trong nhận thức, làm chủ hành vi;
- 11.2. Người đang bị truy cứu trách nhiệm hình sự, đang chấp hành bản án, quyết định về hình sự của Tòa án;
- 11.3. Người đã bị kết án về tội từ tội phạm nghiêm trọng trở lên;
- 11.4. Người đã bị kết án về tội xâm phạm sở hữu mà chưa được xóa án tích;

- 11.5. Cán bộ, công chức, người quản lý từ cấp phòng trở lên trong các doanh nghiệp mà Nhà nước nắm từ 50% vốn điều lệ trở lên, trừ những người được cử làm đại diện quản lý phần vốn góp của Nhà nước tại Ngân hàng.
- 11.6. Sĩ quan, hạ sĩ quan, quân nhân chuyên nghiệp, công nhân quốc phòng trong các cơ quan, đơn vị thuộc Quân đội nhân dân Việt Nam; sĩ quan, hạ sĩ quan chuyên nghiệp, công nhân công an trong các cơ quan, đơn vị thuộc Công an nhân dân Việt Nam, trừ người được cử làm đại diện quản lý phần vốn góp của Nhà nước tại Ngân hàng.
- 11.7. Người thuộc đối tượng không được tham gia quản lý, điều hành theo quy định của Pháp luật về cán bộ, công chức và Pháp luật về phòng chống tham nhũng.
- 11.8. Người đã từng là Chủ doanh nghiệp tư nhân, Thành viên hợp danh của công ty hợp danh, Tổng Giám đốc (Giám đốc), Thành viên Hội đồng Quản trị, Thành viên Hội đồng Thành viên, Thành viên Ban Kiểm soát của doanh nghiệp, Chủ nhiệm và các Thành viên Ban Quản trị hợp tác xã tại thời điểm doanh nghiệp, hợp tác xã bị tuyên bố phá sản, trừ trường hợp doanh nghiệp, hợp tác xã bị tuyên bố phá sản vì lý do bất khả kháng;
- 11.9. Người đại diện theo pháp luật của doanh nghiệp tại thời điểm doanh nghiệp bị đình chỉ hoạt động, bị buộc giải thể do vi phạm pháp luật nghiêm trọng, trừ trường hợp là đại diện theo đề nghị của cơ quan nhà nước có thẩm quyền nhằm chấn chỉnh, củng cố doanh nghiệp đó;
- 11.10. Người đã từng bị đình chỉ chức danh Chủ tịch Hội đồng Quản trị, Thành viên Hội đồng Quản trị, Chủ tịch Hội đồng Thành viên, Thành viên Hội đồng Thành viên, Trưởng Ban Kiểm soát, Thành viên Ban Kiểm soát, Tổng Giám đốc (Giám đốc) của Tổ chức tín dụng theo quy định của Pháp luật hoặc bị cơ quan có thẩm quyền xác định người đó có vi phạm dẫn đến việc Tổ chức tín dụng bị thu hồi Giấy phép;
- 11.11. Người đã từng bị NCB xử lý kỷ luật bằng hình thức sa thải theo đúng quy định pháp luật
- 11.12. Người có liên quan của Thành viên Hội đồng Quản trị, Tổng Giám đốc.
- 11.13. Người phải chịu trách nhiệm theo kết luận thanh tra dẫn đến việc Tổ chức tín dụng, chi nhánh Ngân hàng nước ngoài bị xử phạt hành chính trong lĩnh vực tiền tệ và ngân hàng ở khung phạt tiền cao nhất đối với hành vi vi phạm quy định về giấy phép, quản trị, điều hành, cổ phần, cổ phiếu, góp vốn, mua cổ phần, cấp tín dụng, mua trái phiếu doanh nghiệp, tỷ lệ bảo đảm an toàn theo quy định của Pháp luật về xử lý vi phạm hành chính trong lĩnh vực tiền tệ và ngân hàng;
- 11.14. Các trường hợp khác theo quy định của Pháp luật và Điều lệ của NCB.

Điều 12. Những trường hợp không được đảm nhiệm cùng chức vụ

- 12.1. Trưởng Ban Kiểm soát không được đồng thời là Thành viên Ban Kiểm soát, người quản lý của Tổ chức tín dụng khác.

12.2. Thành viên Ban Kiểm soát không được đồng thời đảm nhiệm một trong các chức vụ sau đây:

- a) Thành viên Hội đồng Quản trị, thành viên Hội đồng Thành viên, người điều hành, nhân viên của Ngân hàng hoặc công ty con của Ngân hàng hoặc nhân viên của doanh nghiệp mà Thành viên Hội đồng Quản trị, Tổng Giám đốc của Ngân hàng là Thành viên Hội đồng Quản trị, người điều hành hoặc cổ đông lớn của doanh nghiệp đó;
- b) Thành viên Hội đồng Quản trị, Thành viên Hội đồng Thành viên, người điều hành của doanh nghiệp mà Thành viên Ban Kiểm soát của doanh nghiệp đó đang là Thành viên Hội đồng Quản trị, người điều hành tại Ngân hàng.

12.3. Các trường hợp khác theo quy định của Điều lệ Ngân hàng.

Điều 13. Đương nhiên mất tư cách

13.1. Các trường hợp đương nhiên mất tư cách Thành viên Ban Kiểm soát:

- a) Mất năng lực hành vi dân sự, chết;
- b) Vi phạm quy định tại Điều 11 Quy chế này;
- c) Là người đại diện phần vốn góp của một tổ chức là cổ đông Ngân hàng khi tổ chức đó bị chấm dứt tư cách pháp nhân;
- d) Không còn là người đại diện phần vốn góp theo ủy quyền của cổ đông là tổ chức;
- e) Bị trục xuất khỏi lãnh thổ nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam;
- f) Khi Ngân hàng bị thu hồi Giấy phép;
- g) Các trường hợp khác theo quy định của Điều lệ Ngân hàng.

13.2. Sau khi đương nhiên mất tư cách, Thành viên Ban Kiểm soát phải chịu trách nhiệm về các quyết định của mình trong thời gian đương nhiệm.

Điều 14. Miễn nhiệm, bãi nhiệm

14.1. Trưởng Ban Kiểm soát, Thành viên Ban Kiểm soát bị bãi nhiệm, miễn nhiệm chức danh thành viên ban Kiểm soát trong các trường hợp sau đây:

- a) Bị hạn chế năng lực hành vi dân sự;
- b) Không còn đủ tiêu chuẩn và điều kiện theo quy định tại Điều 10 Quy chế này;
- c) Có đơn xin từ nhiệm gửi Ban Kiểm soát của Ngân hàng;
- d) Không thực hiện quyền và nghĩa vụ của mình trong 06 tháng liên tục, trừ trường hợp bất khả kháng;
- e) Vi phạm nhiều lần, vi phạm nghiêm trọng nghĩa vụ của Thành viên Ban Kiểm soát theo quy định của Pháp luật và Điều lệ Ngân hàng;
- f) Trường hợp khác theo quy định của Pháp luật và Điều lệ Ngân hàng.

14.2. Sau khi bị miễn nhiệm, bãi nhiệm, Trưởng Ban Kiểm soát, Thành viên Ban Kiểm soát phải chịu trách nhiệm về các quyết định của mình trong thời gian đương nhiệm.

14.3. Trong thời hạn 10 ngày làm việc, kể từ ngày thông qua quyết định miễn nhiệm, bãi nhiệm đối với các đối tượng theo quy định tại khoản 1 Điều này, Hội đồng quản trị, Hội

đồng thành viên của tổ chức tín dụng phải có văn bản kèm tài liệu liên quan báo cáo Ngân hàng Nhà nước.

Điều 15. Thay thế thành viên Ban Kiểm soát

- 15.1. Trưởng Ban Kiểm soát, Thành viên Ban Kiểm soát khi bị miễn nhiệm, bãi nhiệm có trách nhiệm bàn giao công việc cho Trưởng Ban Kiểm soát, Thành viên Ban Kiểm soát mới được bầu.
- 15.2. Đối với các trường hợp từ nhiệm, miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Ban Kiểm soát theo quy định tại Quy chế này dẫn đến việc Ban Kiểm soát không đủ số lượng người để hoạt động theo quy định của pháp luật hoặc Điều lệ NCB, trong thời hạn tối đa 60 ngày, Ngân hàng phải bầu bổ sung đủ số lượng thành viên Ban Kiểm soát.
- 15.3. Trường hợp Trưởng Ban Kiểm soát xin từ nhiệm, Ban Kiểm soát tổ chức họp để bầu ra Trưởng Ban Kiểm soát ngay sau khi Đại hội đồng cổ đông thông qua đơn từ nhiệm.
- 15.4. Trường hợp Trưởng Ban Kiểm soát xin thôi đảm nhiệm chức danh Trưởng Ban Kiểm soát mà vẫn làm thành viên Ban Kiểm soát, các thành viên Ban Kiểm soát có trách nhiệm tổ chức họp Ban Kiểm soát để bầu một thành viên làm Trưởng Ban Kiểm soát trong thời hạn tối đa mười lăm (15) ngày kể từ ngày Trưởng Ban Kiểm soát nộp đơn.
- 15.5. Trình tự, thủ tục, hồ sơ xin chấp thuận danh sách dự kiến những người được bầu, bổ nhiệm làm Thành viên Ban Kiểm soát thay thế và thủ tục thông báo về người được bầu, bổ nhiệm thay thế thực hiện theo quy định của Pháp luật và Ngân hàng Nhà nước.

Điều 16. Đình chỉ, tạm đình chỉ Thành viên Ban Kiểm soát

- 16.1. Ngân hàng Nhà nước có quyền đình chỉ, tạm đình chỉ việc thực thi quyền hạn, nhiệm vụ của Trưởng Ban Kiểm soát, Thành viên Ban Kiểm soát vi phạm quy định tại Điều 12 Quy chế này, quy định khác của Pháp luật có liên quan trong quá trình thực hiện quyền hạn, nhiệm vụ; yêu cầu cơ quan có thẩm quyền miễn nhiệm, bầu, bổ nhiệm người thay thế hoặc chỉ định người thay thế nếu xét thấy cần thiết
- 16.2. Trường hợp Ngân hàng bị đặt vào tình trạng kiểm soát đặc biệt, Ban Kiểm soát đặc biệt có quyền đình chỉ, tạm đình chỉ việc thực thi quyền hạn, nhiệm vụ của Trưởng Ban Kiểm soát, Thành viên Ban Kiểm soát của Ngân hàng nếu xét thấy cần thiết.
- 16.3. Người bị đình chỉ, tạm đình chỉ việc thực thi quyền hạn, nhiệm vụ theo quy định tại Khoản 16.1, 16.2 Điều này phải có trách nhiệm tham gia xử lý các tồn tại và vi phạm có liên quan đến trách nhiệm cá nhân khi có yêu cầu của Ngân hàng Nhà nước, Hội đồng Quản trị, Ban Kiểm soát của Ngân hàng hoặc Ban Kiểm soát đặc biệt.

Điều 17. Nhiệm vụ của Bộ phận giúp việc

- 17.1. Ban Kiểm soát có các bộ phận giúp việc sau:
 - a) Phòng Kiểm toán nội bộ;
 - b) Ban cố vấn và các cộng tác viên
- 17.2. Bộ phận giúp việc hỗ trợ các cuộc họp Ban Kiểm soát, hỗ trợ các thành viên Ban Kiểm

soát thực hiện nhiệm vụ của mình.

17.3. Chức năng, nhiệm vụ cụ thể của Bộ phận giúp việc do Ban Kiểm soát quy định.

Điều 18. Công khai các lợi ích liên quan

Thành viên Ban Kiểm soát phải kê khai các lợi ích liên quan theo điều 39 Luật các Tổ chức Tín dụng, điều 164 Luật Doanh nghiệp, theo Điều lệ của NCB và các quy định của pháp luật có liên quan.

Điều 19. Thù lao và chi phí hoạt động của Ban Kiểm soát

- 19.1. Thành viên ban Kiểm soát được trả tiền lương, thù lao, thưởng và lợi ích khác theo quyết định của Đại hội đồng cổ đông. Đại Hội đồng cổ đông quyết định tổng mức tiền lương, thù lao, thưởng, lợi ích khác và ngân sách hoạt động hằng năm của Ban Kiểm soát.
- 19.2. Thành viên Ban Kiểm soát được thanh toán chi phí ăn, ở, đi lại, chi phí sử dụng dịch vụ tư vấn độc lập với mức hợp lý. Tổng mức thù lao và chi phí này không vượt quá tổng ngân sách hoạt động hằng năm của Ban kiểm soát đã được Đại hội đồng cổ đông chấp thuận, trừ trường hợp Đại hội đồng cổ đông có quyết định khác;
- 19.3. Thù lao và chi phí hoạt động của Ban kiểm soát được tính vào chi phí kinh doanh của NCB theo quy định của pháp luật về thuế thu nhập doanh nghiệp, pháp luật có liên quan và phải được lập thành mục riêng trong báo cáo tài chính hằng năm của Ngân hàng.

Mục 3

HOẠT ĐỘNG CỦA BAN KIỂM SOÁT

Điều 20. Phân công trách nhiệm của Ban Kiểm soát

- 20.1. Ban Kiểm soát làm việc theo chế độ tập thể kết hợp với chế độ trách nhiệm của từng thành viên Ban Kiểm soát. Ban Kiểm soát phải lập chương trình hoạt động kiểm soát hàng năm của Ban Kiểm soát trình Đại hội Cổ đông thông qua.
- 20.2. Trưởng Ban Kiểm soát chịu trách nhiệm xây dựng và tổ chức thực hiện chương trình hoạt động của Ban Kiểm soát; phân công và kiểm tra thực hiện chương trình hoạt động của Ban Kiểm soát; tổng hợp kết quả hoạt động của kiểm soát từng thời kỳ để thông báo cho Hội đồng Quản trị, Tổng giám đốc và báo cáo trước Đại hội đồng Cổ đông.
- 20.3. Các thành viên Ban Kiểm soát chịu sự quản lý, điều hành trực tiếp và sự phân công, chỉ đạo của Trưởng Ban Kiểm soát; chủ động kiểm tra giám sát và có trách nhiệm báo cáo với Trưởng ban tiến độ và kết quả kiểm soát và chịu trách nhiệm trước pháp luật, trước Cổ đông về việc xác định tính chính xác, trung thực của số liệu, hồ sơ liên quan các lĩnh vực hoạt động ngân hàng được phân công.

Điều 21. Chế độ làm việc của Ban Kiểm soát

- 21.1. Ban Kiểm soát làm việc độc lập, theo chế độ cá nhân phụ trách đối với mảng công việc được phân công của từng thành viên trong Ban Kiểm soát.

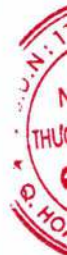
- 21.2. Thành viên Ban Kiểm soát chịu trách nhiệm một hoặc một số lĩnh vực công việc theo sự phân công của Trưởng Ban. Chịu trách nhiệm trước Trưởng Ban và trước pháp luật về quyết định và hành vi của mình.
- 21.3. Các thành viên có ý kiến đối với báo cáo quyết toán tài chính hàng năm, báo cáo thẩm định tài chính 06 (sáu) tháng đầu năm, báo cáo của Ban Kiểm soát trước Đại hội đồng Cổ đông và các vấn đề khác theo yêu cầu của Trưởng Ban Kiểm soát.
- 21.4. Căn cứ vào các thông tin nhận được, vào độ tin cậy, tính khẩn trương, tính chất nghiêm trọng, khả năng và mức độ tác hại có thể gây nên cho NCB, Ban Kiểm soát thực hiện phương thức kiểm tra định kỳ hoặc đột xuất cho phù hợp:
- Ban Kiểm soát trực tiếp kiểm tra định kỳ theo kế hoạch những sự việc khẩn trương và nghiêm trọng do Trưởng Ban Kiểm soát trực tiếp chủ trì kiểm tra.
 - Phối hợp với phòng kiểm toán nội bộ để tổ chức kiểm tra.
 - Yêu cầu phòng kiểm toán nội bộ báo cáo kết quả kiểm tra cho Ban Kiểm soát định kỳ hoặc đột xuất.

Điều 22. Chế độ báo cáo của Ban Kiểm soát

- 22.1. Từng thành viên Ban Kiểm soát phải báo cáo với với Trưởng ban về tiến độ, kết quả thực hiện chương trình kiểm soát, các vụ việc đột xuất được Trưởng ban giao. Báo cáo thành viên Ban Kiểm soát phải nêu rõ những vấn đề đã được kiểm tra xác định cùng với nhận xét, đánh giá và kiến nghị của mình; những thông tin ghi nhận từ các nguồn thông tin về vi phạm pháp luật, Điều lệ ngân hàng và có ý kiến đề xuất với trưởng Ban Kiểm soát hướng xử lý.
- 22.2. Trưởng Ban Kiểm soát phải lập báo cáo tình hình và kết quả kiểm soát cùng với những ý kiến về đề xuất, kiến nghị của Ban Kiểm soát gửi cho Hội đồng Quản trị, Tổng giám đốc và trước Đại hội đồng Cổ đông; thay mặt các thành viên Ban Kiểm soát báo cáo tại các cuộc họp và phải chịu trách nhiệm về tính trung thực, khách quan trong nội dung báo cáo.
- 22.3. Nội dung báo cáo, kết luận và các kiến nghị của Ban Kiểm soát trước khi trình Đại hội đồng Cổ đông phải được bàn bạc tập thể trong cuộc họp Ban Kiểm soát và tham khảo ý kiến của Hội đồng Quản trị.
- 22.4. Thành viên Ban Kiểm soát có thể trực tiếp báo cáo với Hội đồng Quản trị và Đại hội đồng Cổ đông những vấn đề phát hiện qua việc tiến hành kiểm soát nhưng chưa nêu trong báo cáo của Ban Kiểm soát hoặc các ý kiến bảo lưu của thành viên Ban Kiểm soát mà bản thân thành viên Ban Kiểm soát thấy là cần thiết và phải chịu hoàn toàn trách nhiệm về nội dung báo cáo của mình.

Điều 23. Cuộc họp của Ban Kiểm soát

- 23.1. Cuộc họp Ban Kiểm soát đầu tiên của nhiệm kỳ Ban Kiểm soát để bầu Trưởng Ban và ra các quyết định khác thuộc thẩm quyền phải được tổ chức trong vòng 07 (bảy) ngày



- sau ngày bầu cử Ban Kiểm soát đó. Thành viên Ban Kiểm soát có số phiếu bầu cao nhất sẽ phải triệu tập cuộc họp Ban Kiểm soát đầu tiên, dự kiến chương trình, thời gian và địa điểm họp trước ngày họp dự kiến ít nhất 03 (ba) ngày. Trường hợp có nhiều hơn một thành viên có số phiếu bầu cao nhất và ngang nhau thì các thành viên đã bầu theo nguyên tắc đa số một người trong số họ triệu tập họp Ban Kiểm soát.
- 23.2. Ban Kiểm soát họp định kỳ ít nhất mỗi quý một lần và có thể được triệu tập họp bất thường để kịp thời giải quyết những công việc đột xuất. Cuộc họp Ban Kiểm soát do Trưởng ban hoặc người tạm thời giữ chức Trưởng ban triệu tập và làm chủ tọa.
- 23.3. Cuộc họp bất thường của Ban Kiểm soát được tiến hành theo đề nghị của một trong các đối tượng sau đây:
- Trưởng Ban Kiểm soát;
 - Ít nhất 02 (hai) thành viên Ban Kiểm soát trở lên;
 - Các trường hợp khác theo quy định của pháp luật.
- 23.4. Trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày, kể từ ngày nhận được văn bản đề nghị họp Ban Kiểm soát bất thường của một trong các đối tượng nêu tại khoản 23.3 Điều này, Trưởng Ban Kiểm soát phải triệu tập và tiến hành cuộc họp Ban Kiểm soát bất thường. Trường hợp, sau hai lần đề nghị kế tiếp mà Trưởng Ban Kiểm soát không triệu tập cuộc họp Ban Kiểm soát, Hội đồng Quản trị và các thành viên Ban Kiểm soát phải có ngay văn bản báo cáo Chi nhánh NHNN tỉnh, thành phố nơi NCB đặt trụ sở chính và tiến hành họp Ban Kiểm soát để xử lý công việc, đồng thời quyết định việc miễn nhiệm, bãi nhiệm chức danh Trưởng ban, bầu một thành viên Ban Kiểm soát đảm bảo các điều kiện giữ chức danh Trưởng Ban, thông báo Ngân hàng Nhà nước theo đúng quy định hiện hành, hoặc quyết định tổ chức Đại hội đồng Cổ đông bất thường để xử lý những tồn tại, vướng mắc chưa thể giải quyết (nếu có).
- 23.5. Quyết định của Ban Kiểm soát được coi là có giá trị khi đa số thành viên có quyền tham gia biểu quyết dự họp chấp thuận; trường hợp ý kiến ngang nhau thì quyết định cuối cùng thuộc về phía có ý kiến của Trưởng Ban Kiểm soát hoặc người được Trưởng Ban Kiểm soát uỷ quyền chủ tọa cuộc họp.
- Thành viên Ban Kiểm soát không thể dự họp thì có thể uỷ quyền bằng văn bản cho 01 thành viên Ban Kiểm soát khác thực hiện biểu quyết thay.
 - Thành viên Ban Kiểm soát có quyền lợi liên quan đến vấn đề đưa ra Ban Kiểm soát quyết định thì không được tham gia biểu quyết vấn đề đó và không được tính vào số lượng thành viên có mặt, đồng thời cũng không được nhận uỷ quyền của các thành viên khác để tham gia biểu quyết vấn đề đó.
 - Trường hợp lấy ý kiến biểu quyết bằng văn bản để thông qua quyết định của Ban Kiểm soát về một vấn đề cũng phải đảm bảo điều kiện về số lượng thành viên biểu quyết và nguyên tắc đa số theo quy định như biểu quyết tại cuộc họp.

- 23.6. Nội dung cuộc họp Ban Kiểm soát phải được ghi biên bản một cách đầy đủ, trung thực, chính xác (kể cả các ý kiến bảo lưu của Ban Kiểm soát, nếu có) và phải có chữ ký của tất cả các thành viên Ban Kiểm soát dự họp.
- 23.7. Địa điểm họp: Các cuộc họp Ban Kiểm soát sẽ được tiến hành tại Trụ sở chính của NCB hoặc địa điểm của Ban Kiểm soát nếu Ban Kiểm soát được đặt ngoài trụ sở chính của NCB hoặc một địa điểm khác theo yêu cầu công việc cần thiết.

Điều 24. Trình tự tổ chức và tiến hành họp Ban Kiểm soát

- 24.1. Tất cả các cuộc họp định kỳ hoặc bất thường đều phải có nội dung chuẩn bị trước. Trưởng Ban Kiểm soát căn cứ mục đích cuộc họp để phân công cho các thành viên Ban Kiểm soát, bộ phận giúp việc cho Ban Kiểm soát chuẩn bị nội dung tài liệu cho cuộc họp.
- 24.2. Thông báo mời họp Ban Kiểm soát (trừ trường hợp bất thường) phải được gửi cho các thành viên Ban Kiểm soát tối thiểu 05 (năm) ngày trước ngày họp. Thông báo về cuộc họp Ban Kiểm soát trong đó nêu rõ về: Chương trình họp, thời gian, địa điểm và phải được kèm theo những tài liệu cần thiết về những vấn đề sẽ được bàn bạc và biểu quyết tại cuộc họp Ban Kiểm soát và cả các phiếu biểu quyết cho những thành viên Ban Kiểm soát. Trong trường hợp không thể dự họp, thành viên Ban Kiểm soát có quyền gửi phiếu biểu quyết bằng văn bản cho Ban Kiểm soát trước khi họp.
- 24.3. Cuộc họp Ban Kiểm soát được tiến hành khi có từ 2/3 (hai phần ba) thành viên Ban Kiểm soát trở lên trực tiếp tham dự hoặc qua người thay thế là một trong các thành viên Ban Kiểm soát được ủy quyền.
- 24.4. Trường hợp triệu tập họp Ban Kiểm soát định kỳ lần đầu nhưng không đủ số thành viên tham dự theo quy định, Trưởng Ban Kiểm soát phải triệu tập tiếp cuộc họp Ban Kiểm soát lần hai trong thời gian không quá 15 (mười lăm) ngày tiếp theo. Sau hai lần triệu tập họp Ban Kiểm soát không đủ số thành viên tham dự, Trưởng Ban Kiểm soát phải thông báo cho Hội đồng Quản trị biết và đề nghị triệu tập Đại hội đồng Cổ đông bất thường trong thời hạn không quá 30 (ba mươi) ngày tiếp theo để Cổ đông xem xét tư cách của các thành viên Ban Kiểm soát.

Điều 25. Thông qua quyết định của Ban Kiểm soát

- 25.1. Mỗi thành viên tham dự cuộc họp Ban Kiểm soát sẽ có một phiếu biểu quyết tại cuộc họp Ban Kiểm soát. Nếu thành viên Ban Kiểm soát không thể tham dự cuộc họp thì có thể ủy quyền biểu quyết của mình bằng văn bản cho một thành viên Ban Kiểm soát khác (là đối tượng được phép tham gia biểu quyết) thực hiện biểu quyết thay.
- 25.2. Thành viên Ban Kiểm soát có quyền lợi liên quan tới vấn đề được đưa ra Ban Kiểm soát quyết định sẽ không được phép tham gia biểu quyết đối với vấn đề đó và không được tính vào số lượng đại biểu yêu cầu có mặt tại cuộc họp, đồng thời cũng không được nhận ủy quyền của thành viên Ban Kiểm soát khác để tham gia biểu quyết vấn đề đó.

- 25.3. Nếu có nghi ngờ nào nảy sinh tại một cuộc họp liên quan đến quyền lợi của thành viên Ban Kiểm soát hoặc liên quan đến quyền được biểu quyết của thành viên Ban Kiểm soát và những nghi ngờ đó không được thành viên Ban Kiểm soát đó tự nguyện giải quyết bằng cách chấp thuận từ bỏ quyền biểu quyết, thì nghi ngờ đó sẽ được chuyển tới chủ tọa của cuộc họp. Phán quyết của Chủ tọa sẽ có giá trị cuối cùng và có tính kết luận trừ trường hợp khi bản chất hoặc mức độ quyền lợi của thành viên Ban Kiểm soát có liên quan đó chưa được biết rõ.
- 25.4. Quyết định của Ban Kiểm soát được thông qua nếu được đa số thành viên Ban Kiểm soát có quyền tham gia biểu quyết dự họp chấp thuận. Trường hợp số phiếu ngang nhau thì quyết định cuối cùng thuộc về phía có ý kiến của Trưởng Ban Kiểm soát hoặc thành viên Ban Kiểm soát được Trưởng Ban Kiểm soát ủy quyền Chủ tọa cuộc họp (trường hợp Trưởng Ban Kiểm soát vắng mặt).
- 25.5. Trường hợp Ban Kiểm soát lấy ý kiến bằng văn bản để thông qua quyết định về một vấn đề thì quyết định được coi là có giá trị tương đương với một quyết định được thông qua bởi các thành viên Ban Kiểm soát tại một cuộc họp được triệu tập và tổ chức thông thường, nếu được sự nhất trí bằng văn bản của đa số các thành viên Ban Kiểm soát có quyền tham gia biểu quyết đối với vấn đề đưa ra xin ý kiến và số lượng thành viên Ban Kiểm soát có mặt tham gia biểu quyết bằng văn bản phải đáp ứng được điều kiện về số lượng thành viên bắt buộc phải có để tiến hành họp Ban Kiểm soát.
- 25.6. Phiếu lấy ý kiến phải có các nội dung chủ yếu sau đây:
- Tên, địa chỉ trụ sở chính, số và ngày cấp Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh của NCB;
 - Mục đích lấy ý kiến;
 - Họ, tên và địa chỉ liên lạc của thành viên Ban Kiểm soát;
 - Vấn đề cần lấy ý kiến;
 - Phương án biểu quyết, bao gồm: tán thành, không tán thành và không có ý kiến;
 - Thời hạn gửi phiếu lấy ý kiến đã được trả lời về NCB;
 - Họ và tên, chữ ký của Trưởng Ban Kiểm soát.
 - Phiếu lấy ý kiến đã được trả lời phải có chữ ký của Thành viên Ban Kiểm soát

Điều 26. Biên bản họp của Ban Kiểm soát

- 26.1. Nội dung cuộc họp Ban Kiểm soát phải được Thư ký cuộc họp ghi lại thành biên bản một cách đầy đủ, trung thực (kể cả ý kiến bảo lưu của Thành viên Ban Kiểm soát, nếu có) và phải có chữ ký của tất cả các Thành viên Ban kiểm soát dự họp. Các biên bản họp của Ban Kiểm soát phải được lưu giữ nhằm xác định trách nhiệm của từng Thành viên Ban Kiểm soát.
- 26.2. Thư ký cuộc họp có trách nhiệm lập và gửi Biên bản cuộc họp Ban Kiểm soát cho các thành viên Ban Kiểm soát và Biên bản đó sẽ được coi là những bằng chứng mang tính kết luận về công việc tiến hành tại các cuộc họp đó, trừ trường hợp có những khiếu nại liên quan đến nội dung của Biên bản đó trong thời hạn 10 (mười) ngày kể từ ngày gửi biên bản.
- 26.3. Biên bản cuộc họp Ban Kiểm soát phải được lưu giữ và bảo quản tại văn phòng Ban Kiểm soát.

Mục 4
QUYỀN ĐƯỢC CUNG CẤP THÔNG TIN VÀ MỐI QUAN HỆ
CỦA BAN KIỂM SOÁT

Điều 27. Quyền được cung cấp thông tin

- 27.1. Ban Kiểm soát nhận được các thông tin, tài liệu sau đây vào cùng thời điểm và theo phương thức như đối với thành viên Hội đồng Quản trị:
- a) Thông báo mời họp, phiếu lấy ý kiến thành viên Hội đồng Quản trị và các tài liệu kèm theo.
 - b) Báo cáo của Tổng Giám đốc trình Hội đồng Quản trị hoặc tài liệu khác do NCB phát hành.
- 27.2. Hội đồng Quản trị, thành viên Hội đồng Quản trị, Tổng Giám đốc và các người quản lý khác phải cung cấp đầy đủ, chính xác và kịp thời tất cả các thông tin và tài liệu về công tác quản lý, điều hành và hoạt động kinh doanh của NCB theo yêu cầu của Ban Kiểm soát và phải bảo đảm rằng tất cả bản sao chụp các thông tin tài chính và các thông tin khác được cung cấp cho các thành viên Hội đồng Quản trị cũng như các biên bản họp Hội đồng Quản trị sẽ phải được cung cấp cho thành viên Ban Kiểm soát vào cùng thời điểm chúng được cung cấp cho thành viên Hội đồng Quản trị.
- 27.3. Nếu một thành viên Ban Kiểm soát nhận được thông tin hoặc tài liệu liên quan đến nhiệm vụ của Ban Kiểm soát theo cách thức phù hợp với nhiệm vụ kiểm soát (từ nguồn khác Hội đồng Quản trị hoặc Ban Kiểm soát), thành viên này phải báo cáo với Trưởng Ban Kiểm soát ngay khi có thể và Trưởng Ban Kiểm soát sẽ thông báo cho thành viên Ban Kiểm soát có liên quan.
- 27.4. Thành viên Ban Kiểm soát có quyền tiếp cận các hồ sơ, tài liệu của NCB lưu trữ tại trụ sở chính, chi nhánh, sở giao dịch và các địa điểm khác; có quyền đến các địa điểm nơi người quản lý và nhân viên NCB làm việc.

Điều 28. Bảo mật thông tin

- 28.1. Các thành viên Ban Kiểm soát xử lý mọi thông tin và tài liệu có được trong phạm vi thẩm quyền là thành viên Ban Kiểm soát với sự cẩn trọng cần thiết và bảo mật trong trường hợp thông tin được xếp loại mật theo quy định của NCB và Pháp luật.
- 28.2. Các thành viên Ban Kiểm soát không được tiết lộ ra bên ngoài, công bố hoặc bằng cách khác cung cấp cho bên thứ ba các thông tin mật, các văn bản tài liệu NCB và các thông tin khác liên quan đến hoạt động của NCB, hoặc các thông tin mà NCB chưa công bố ra bên ngoài.
- 28.3. Việc bảo mật thông tin vẫn được thực hiện sau khi thành viên Ban Kiểm soát đã hết nhiệm kỳ.
- 28.4. Các thành viên Ban Kiểm soát có trách nhiệm tuân thủ bảo mật thông tin theo Điều lệ NCB, Quy chế này và quy định có liên quan của pháp luật.

Điều 29. Các mối quan hệ của Ban Kiểm soát

29.1. Quan hệ với các cơ quan quản lý Nhà nước: Ban Kiểm soát thực hiện chế độ báo cáo cho các cơ quan quản lý Nhà nước theo quy định hiện hành.

29.2. Quan hệ với các Cổ đông:

- a) Ban Kiểm soát thực hiện báo cáo Cổ đông kết quả giám sát hoạt động của NCB tại kỳ họp Đại hội đồng Cổ đông thường niên theo quy định tại Điều lệ NCB.
- b) Ban Kiểm soát thực hiện kiểm tra đột xuất khi nhận được yêu cầu từ Cổ đông lớn hoặc nhóm Cổ đông lớn theo quy định tại Luật Doanh nghiệp và gửi báo cáo theo quy định tại Quy chế này và Điều lệ NCB.

29.3. Quan hệ với Hội đồng Quản trị:

- a) Ban Kiểm soát hoạt động độc lập với Hội đồng Quản trị;
- b) Trưởng Ban Kiểm soát tham dự các cuộc họp của Hội đồng Quản trị, phát biểu ý kiến và có những kiến nghị, nhưng không tham gia biểu quyết đối với nghị quyết của Hội đồng Quản trị;
- c) Hội đồng Quản trị có trách nhiệm phối hợp chặt chẽ với Ban Kiểm soát, cung cấp các tài liệu và thông tin theo Quy chế này, Điều lệ NCB, quy định quản trị nội bộ của NCB và các quy định khác có liên quan cho Ban Kiểm soát, tạo môi trường thuận lợi cho Ban Kiểm soát có điều kiện thực thi có hiệu quả nhiệm vụ của mình.
- d) Ban Kiểm soát thực hiện giám sát, kiểm toán nội bộ và thực hiện báo cáo kết quả giám sát, kiểm toán nội bộ theo quy định. Khi nhận được kết quả giám sát, kiểm toán và những đề xuất, kiến nghị của Ban Kiểm soát, Hội đồng Quản trị sẽ xem xét để đưa ra kết luận. Ban Kiểm soát theo dõi việc thực hiện các kết luận của Hội đồng Quản trị.
- e) Ban Kiểm soát thực hiện thẩm định các báo cáo Hội đồng Quản trị trình Đại hội đồng Cổ đông tại cuộc họp thường niên theo quy định tại Điều lệ NCB. Hội đồng Quản trị đảm bảo Ban Kiểm soát có đủ thông tin và thời gian cần thiết để thực hiện thẩm định các báo cáo này.
- f) Ban Kiểm soát tham khảo ý kiến của Hội đồng Quản trị về các vấn đề được nêu trong báo cáo của Ban Kiểm soát trước khi gửi Đại hội đồng Cổ đông.

29.4. Quan hệ với Ban Điều hành và Người quản lý NCB:

- a) Ban Điều hành và các đơn vị trong hệ thống chịu sự kiểm tra, giám sát của Ban Kiểm soát đối với việc thực hiện nhiệm vụ điều hành của mình nhằm đảm bảo tính minh bạch, tuân thủ trong các hoạt động của Ngân hàng;
- b) Khi có yêu cầu của Ban Kiểm soát, Ban Điều hành, lãnh đạo các đơn vị cung cấp tất cả các báo cáo, tài liệu và thông tin cần thiết cho Ban Kiểm soát, chịu trách nhiệm về tính đầy đủ, trung thực hợp pháp của các thông tin, tài liệu cung cấp cho Ban Kiểm soát; đồng thời có trách nhiệm theo dõi, chỉ đạo bộ máy chuyên môn

ng nghiệp vụ chấn chỉnh và xử lý các sai phạm theo kiến nghị của Ban Kiểm soát sau mỗi lần kiểm tra, phúc tra;

- c) Ban Điều hành thực hiện báo cáo định kỳ theo quy định tại Điều lệ, Quy chế này và các quy định có liên quan. Trường hợp phát hiện rủi ro có thể ảnh hưởng lớn đến uy tín hoặc hoạt động kinh doanh của Ngân hàng, người điều hành, người quản lý khác cần báo cáo ngay cho Trưởng Ban Kiểm soát và Thành viên Ban Kiểm soát trực tiếp theo dõi lĩnh vực công việc đó;
- d) Ban Kiểm soát được quyền tham gia các phiên họp giao ban hàng tháng và họp giao ban bất thường của Ban Điều hành nếu xét thấy cần thiết;
- e) Ban Kiểm soát thực hiện kiểm tra, giám sát và kiểm toán nội bộ và thực hiện báo cáo kết quả kiểm tra, giám sát, kiểm toán nội bộ theo quy định. Ban Điều hành thông báo cho Ban Kiểm soát những chỉ đạo, ý kiến của mình đối với những vấn đề Ban Kiểm soát đã có báo cáo, kiến nghị để Ban Kiểm soát theo dõi.

29.5. Quan hệ với Phòng kiểm toán nội bộ

- a) Ban Kiểm soát có trách nhiệm trực tiếp chỉ đạo, điều hành, giám sát hoạt động của phòng kiểm toán nội bộ.
- b) Rà soát, kiểm tra, đánh giá để đảm bảo tính hiệu quả của công tác kiểm toán nội bộ; chịu trách nhiệm chính về việc đảm bảo chất lượng hoạt động kiểm toán nội bộ.
- c) Đảm bảo công tác kiểm toán nội bộ có vị trí thích hợp trong NCB và không có các trở ngại bất hợp lý đối với hoạt động kiểm toán nội bộ.
- d) Bộ phận KTNB xây dựng, sửa đổi, bổ sung và thường xuyên hoàn thiện phương pháp, chính sách kiểm toán nội bộ trình Ban Kiểm soát phê duyệt.
- e) Phê duyệt quy trình kiểm toán nội bộ; phê duyệt, điều chỉnh kế hoạch kiểm toán nội bộ hàng năm theo đề nghị của Trưởng Kiểm toán nội bộ, đảm bảo kế hoạch kiểm toán nội bộ được định hướng theo rủi ro.
- f) Đảm bảo phối hợp có hiệu quả với kiểm toán độc lập và Thanh tra Ngân hàng Nhà nước.
- g) Thực hiện báo cáo trực tiếp lên mọi cơ quan, mọi cấp trong NCB và ngoài tổ chức tín dụng theo quy định của pháp luật và quy định của NCB; Thực hiện gửi các báo cáo cho Ngân hàng Nhà nước theo quy định.

29.6. Quan hệ với các đơn vị trong hệ thống NCB:

- a) Các đơn vị trong hệ thống đảm bảo cung cấp đầy đủ thông tin, tài liệu phục vụ công tác kiểm tra, giám sát, kiểm toán nội bộ theo yêu cầu của Ban Kiểm soát.
- b) Lãnh đạo các đơn vị được kiểm tra, kiểm toán chịu trách nhiệm về tính đầy đủ, trung thực, hợp pháp của các thông tin, tài liệu cung cấp cho Ban Kiểm soát và các đoàn kiểm tra, kiểm toán của Ban Kiểm soát; thực hiện các kiến nghị của Ban

Kiểm soát đối với những vấn đề nêu trong báo cáo của Ban Kiểm soát; thực hiện cung cấp thông tin phản hồi cho Ban Kiểm soát về việc thực hiện các kiến nghị của Ban Kiểm soát theo quy định.

- c) Các đơn vị (các Khối/Trung tâm tại Hội sở chính, các Đơn vị kinh doanh của NCB) thực hiện cơ chế phối hợp hoạt động với Ban Kiểm soát theo quy định nội bộ của NCB.

Điều 30. Khen thưởng và kỷ luật

30.1. Khen thưởng:

Thành viên Ban Kiểm soát được khen thưởng và kỷ luật theo quy định về khen thưởng và kỷ luật của NCB.

30.2. Kỷ luật:

- a) Ban Kiểm soát, các thành viên Ban Kiểm soát nếu có sai phạm, khuyết điểm không làm tròn nhiệm vụ, cố ý lợi dụng chức vụ, quyền hạn, có hành động vụ lợi cá nhân cố ý bao che hay đồng lõa xâm phạm lợi ích hợp pháp của NCB, của Cổ đông và của khách hàng, tiết lộ tài liệu gây thiệt hại cho NCB và khách hàng thì tùy theo mức độ phải xử lý, kỷ luật hành chính hay truy cứu trách nhiệm hình sự theo quy định của pháp luật và của NCB;
- b) Người mua chuộc hoặc trả thù, người gây cản trở thực thi nhiệm vụ kiểm tra, giám sát của Ban Kiểm soát thì tùy theo mức độ sẽ bị xử lý kỷ luật hành chính hay truy cứu trách nhiệm hình sự theo quy định của pháp luật và của NCB.

CHƯƠNG III

ĐIỀU KHOẢN THI HÀNH

Điều 31. Trách nhiệm thực hiện

Thành viên HĐQT, Thành viên Ban Kiểm soát, Tổng Giám đốc, Phó Tổng Giám đốc, Giám đốc các Khối/Trung tâm tại trụ sở chính; Giám đốc các Chi nhánh và các đơn vị, cá nhân có liên quan có trách nhiệm thực hiện Quy chế này.

Điều 32. Điều khoản thi hành

32.1. Quy chế này được Đại hội đồng Cổ đông phê chuẩn thông qua, có hiệu lực kể từ ngày 8/4/2023 và thay thế Quy chế Tổ chức và hoạt động của Ban Kiểm soát, mã số QC.BM.025 ngày 27/04/2021.

32.2. Những nội dung chưa được đề cập đến trong Quy chế này được thực hiện theo các quy định có liên quan của Pháp luật, Điều lệ và quy định khác của Ngân hàng. Bất kỳ nội dung nào trong Quy chế này trái với các quy định của Pháp luật, Điều lệ Ngân hàng thì nội dung đó đương nhiên hết hiệu lực.

- 32.3. Trường hợp Quy chế này và quy định của Pháp luật cùng quy định về một vấn đề và nội dung của Quy chế này phù hợp với quy định của Pháp luật nhưng chi tiết hơn thì áp dụng theo Quy chế này.
- 32.4. Các Thành viên Hội đồng Quản trị, Thành viên Ban Kiểm soát, Tổng Giám đốc, các Phó Tổng Giám đốc, Giám đốc/Trưởng các Khối, Phòng Hội sở, các Giám đốc Chi nhánh và các Đơn vị, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quy chế này.
- 32.5. Việc sửa đổi, bổ sung Quy chế này do Ban Kiểm soát đề xuất trình Đại hội đồng cổ đông thông qua.

Nơi nhận:

- HĐQT;
- TGD, các PTGD;
- Các Khối/Trung tâm HO;
- Các ĐVKD;
- Phòng KTNB;
- Lưu: VT, Ban Kiểm soát.

TM. BAN KIỂM SOÁT
TRƯỞNG BAN KIỂM SOÁT

Dỗ Thị Đức Minh

